

TOÁN 2 – ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100

Bài 1. Có bao nhiêu số có 1 chữ số?

- A. 7 B. 8 C. 9 D. 10

Bài 2. Số lớn nhất có hai chữ số là:

- A. 96 B. 97 C. 98 D. 99

Bài 3. Số liền trước của 90 là số.....

Bài 4. Từ 4 đến 18 có bao nhiêu số có một chữ số, có hai chữ số?

- A. 6 và 9 B. 5 và 8 C. 6 và 8 D. 5 và 10

Bài 5. Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là số nào?

- A. 10 B. 80 C. 90 D. 99

Bài 6. Tìm một số có hai chữ số, biết số đó có chữ số hàng chục là 4 và chữ số hàng đơn vị là số lớn nhất có một chữ số.

- A. 40 B. 49 C. 94 D. 14

Bài 7. Số tròn chục vừa lớn hơn 31, vừa bé hơn 60 là những số nào?

- A. 50, 60 B. 40 C. 50 D. 40, 50

Bài 8. Tìm hai số, biết rằng số thứ nhất là số tròn chục liền sau số 65. Số thứ hai là số tròn chục liền trước số 25.

- A. 70 và 20 B. 20 và 70 C. 60 và 20 D. 30 và 70
-

Bài 9. Viết tất cả các số có hai chữ số từ ba chữ số 1, 0, 9.

.....

.....

.....

.....

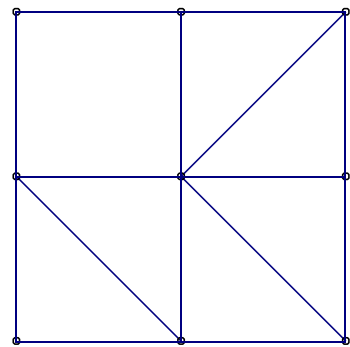
.....

Bài 10. Hình bên có:

a) hình tam giác.

b) hình vuông.

c) điểm.



Bài 11. Cho các số: 19, 24, 18, 45, 36, 20, 39

a) Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....

b) Trong các số trên, số lớn nhất là số, số bé nhất là số

.....

c) Trong các số trên, những số nào vừa bé hơn 36, vừa lớn hơn 18.

.....

Bài 12. Viết tiếp hai số thích hợp vào các dãy số sau để được một dãy số có quy luật.

a) 30, 40,,, 70, 80.

b) 88, 77, 66,,

c) 12, 23, 34, 45,,

d) 28, 38, 48,,

Bài 13. Điền dấu ($<$, $>$, $=$) thích hợp vào dấu chấm.

a) 49 42

b) 78 80

c) 56 65

d) 41 41

e) 9 19

f) 23 32

Bài 14. *Tìm một số có hai chữ số, biết chữ số hàng chục là số lớn nhất có một chữ số, chữ số hàng đơn vị là số bé nhất có một chữ số.

.....

.....

.....

.....

.....

Ôn tập phép cộng trong phạm vi 100

Bài 1. Tính: $23 + 45$

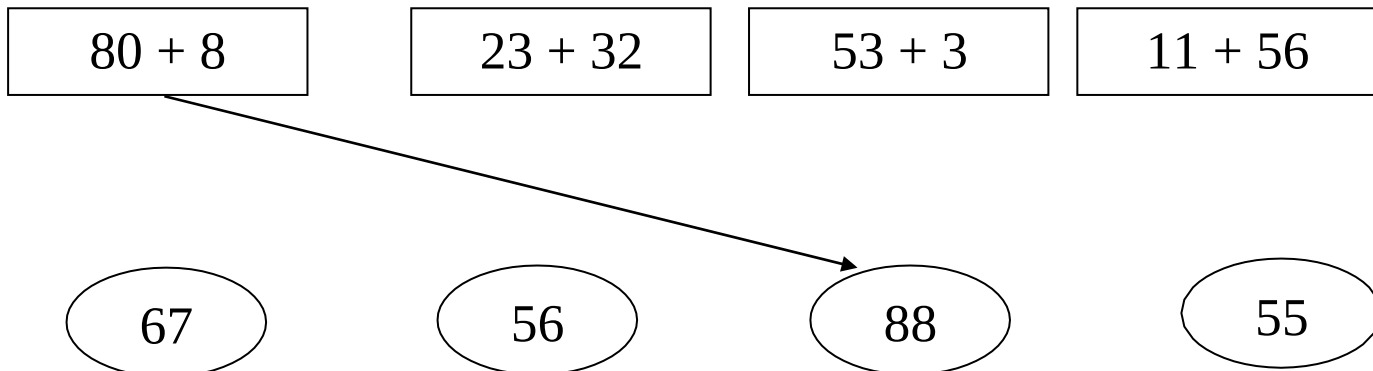
A. 67

B. 68

C. 69

D. 78

Bài 2. Nối theo mẫu:



Bài 3. Điền các chữ số thích hợp vào dấu chấm:

$$\begin{array}{r} 7 \dots \\ + \dots 5 \\ \hline 9 \quad 9 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \quad 4 \\ + 2 \dots \\ \hline \dots 7 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \quad 4 \\ + 6 \quad 5 \\ \hline \dots\dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \dots 3 \\ + 2 \dots \\ \hline 4 \quad 8 \end{array}$$

Bài 4. Một cửa hàng buổi sáng bán được 14 quyển sách, buổi chiều bán được 21 quyển sách. Hỏi hai buổi cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu quyển sách?

A. 21 quyển

B. 34 quyển

C. 35 quyển

D. 45 quyển

Bài 5. Lan có 12 bông hoa, Mai cho Lan 13 bông hoa. Hỏi lúc này Lan có tất cả bao nhiêu bông hoa?

A. 24bông B. 25 bông C. 26 bông D. 27bông

Bài 6. Điền dấu ($<$, $>$, $=$) thích hợp vào dấu chấm.

- a) $20 \dots 14 + 5$ b) $76 \dots 34 + 41$ c) $42 + 34 \dots 80$
d) $80 + 8 \dots 90$ e) $34 + 21 \dots 12 + 55$ f) $23 + 22 \dots 31 + 41$

Bài 7. Hùng có 12 viên bi, Dũng có 22 viên bi, Nam có 31 viên bi. Hỏi cả ba bạn có tất cả bao nhiêu viên bi?

A. 63 viên B. 64 viên C. 65 viên D. 66viên

Bài 8. Tìm một số có hai chữ số, biết chữ số hàng chục là 4, chữ số hàng đơn vị là kết quả của phép cộng 3 và 5.

A. 48 B. 84 C. 43 D. 45

Bài 9.Đặt tính rồi tính:

- a) $15 + 41$ b) $25 + 34$ c) $78 + 11$ d) $32 + 60$

.....
.....
.....

Bài 10. Lớp 2A có 16 bạn nam và 13 bạn nữ. Hỏi lớp 2A có tất cả bao nhiêu bạn?

.....
.....
.....

Bài 11.* Bạn Thảo xếp được một số bông hoa màu đỏ và màu vàng. Biết rằng số bông hoa màu đỏ lớn hơn 9 nhưng nhỏ hơn 11 bông hoa . Số bông hoa vàng là một số lớn nhất có một chữ số.Hỏi bạn Thảo xếp được tất cả bao nhiêu bông hoa ?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12. *Viết tất cả các số có hai chữ số mà cộng hai chữ số hàng chục và hàng đơn vị thì được kết quả là 9. Tìm số lớn nhất và nhỏ nhất trong các số vừa viết.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 13. *Tìm kết quả phép cộng của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số và số lớn nhất có một chữ số.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 14. Tính:

a) $23 + 31 + 42$ b) $11 + 20 + 67$ c) $33 + 44 + 10$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ôn tập phép trừ trong phạm vi 100

Bài 1. Tính: $39\text{cm} - 23\text{cm} =$

- A. 15cm B. 16cm C. 17cm D. 18cm

Bài 2. Dũng có 24 cái kẹo, Dũng cho Hùng 12 cái kẹo. Hỏi Dũng còn bao nhiêu cái kẹo?

- A. 11 cái B. 12 cái C. 13 cái D. 14 cái

Bài 3. Điền số thích hợp vào dấu chấm :

$\begin{array}{r} 7 \dots \\ - \dots 5 \\ \hline 2 \quad 1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \quad 4 \\ - 2 \dots \\ \hline \dots 0 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \quad 4 \\ - 6 \quad 0 \\ \hline \dots \end{array}$	$\begin{array}{r} \dots 3 \\ - 8 \dots \\ \hline 1 \quad 2 \end{array}$
---	---	---	---

Bài 4. Một sợi dài 70cm, người ta cắt đi một đoạn dài 40cm.

Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

- A. 20cm B. 30cm C. 40cm D. 50cm

Bài 5. Tìm một số có hai chữ số, biết rằng chữ số hàng đơn vị bằng 3, chữ số hàng chục là kết quả của phép trừ 9 cho 5.

- A. 34 B. 35 C. 43 D. 44

Bài 6. Kết quả phép trừ của hai số giống nhau là:

- A. 1 B. 0 C. 2 D. 10

Bài 7. Đặt tính rồi tính:

a) $55 - 21$

b) $25 - 24$

c) $78 - 42$

d) $58 - 32$

.....
.....
.....

Bài 8. Một khúc gỗ dài 34cm, người ta cắt ra một đoạn dài 23cm. Hỏi khúc gỗ còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

.....
.....
.....
.....

Bài 9. Điền các dấu (+, -) vào dấu chấm để được phép tính đúng.

a) $25 \dots 5 \dots 6 = 26$

b) $12 \dots 4 = 19 \dots 3$

c) $45 \dots 31 = 76 \dots 0$

d) $56 = 59 \dots 43 \dots 40$

e) $41 \dots 40 = 51 \dots 50$

f) $23 \dots 20 \dots 12 = 65$

Bài 10.* Một cửa hàng có 78 hộp bút. Buổi sáng bán được 26 hộp bút, buổi chiều bán được 21 hộp bút. Hỏi:

a) Hai buổi cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu hộp bút?

b) Cửa hàng còn lại bao nhiêu hộp bút?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 11. Tính:

a) $13 + 34 - 22$

b) $45 - 34 + 67$

c) $89 - 43 - 32$

.....

.....

.....

Bài 12. *Lớp 2A có 31 học sinh. Hết học kì I lớp 2A có thêm 7 học sinh mới và 4 học sinh chuyển lớp. Hỏi lúc này lớp 2A có tất cả bao nhiêu học sinh?

.....

.....

.....
.....
.....
.....

Bài 13. *Viết tất cả các số có hai chữ số mà chữ số hàng chục trừ đi chữ số hàng đơn vị thì được kết quả là 4. Tìm số lớn nhất và nhỏ nhất trong các số vừa viết.

.....
.....
.....
.....
.....

Tổng ôn tập

Bài 1. Trên sân có 23 con gà, 12 con vịt và 3 con ngan. Hỏi cả gà, vịt, ngan có tất cả bao nhiêu con?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Lan có 14 cái bút, Hoa có một tá cái bút, Huệ có một chục cái bút. Hỏi ba bạn có tất cả bao nhiêu cái bút?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Lớp 2A có 35 học sinh, trong đó có 13 học sinh nam.
Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh nữ?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Một phòng có 34 người, sau đó có thêm 12 người vào và 14 người ra. Hỏi trong phòng còn lại bao nhiêu người?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. Cách đây 3 năm tuổi Hoa và Hồng cộng lại là 20 tuổi. Hỏi hiện nay tuổi Hoa và Hồng cộng lại là bao nhiêu?

.....

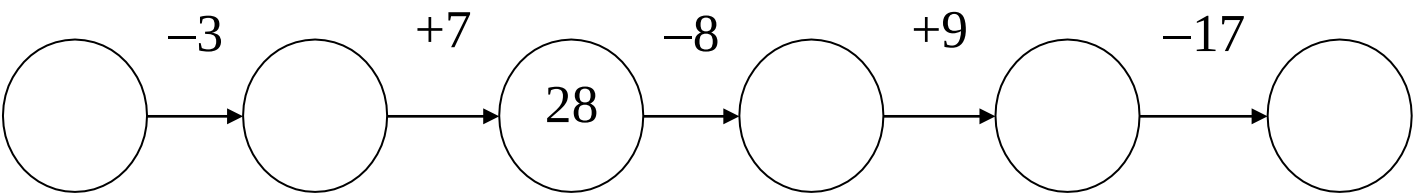
.....

.....

.....

.....

Bài 6. Điền các số thích hợp vào ô tròn:



Bài 7. Hà có một sợi dây dài 35cm, lần thứ nhất Hà cắt đi 12cm, lần thứ hai Hà cắt tiếp 13cm. Hỏi sau hai lần cắt sợi dây còn lại của Hà dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

.....

.....

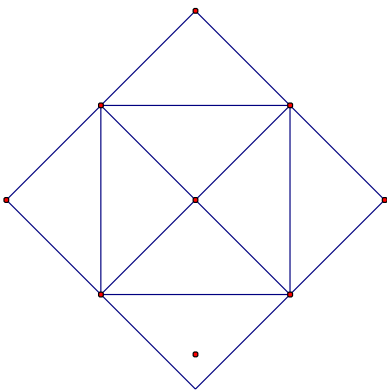
.....

.....

.....

Bài 8. Hình bên có:

- a) hình vuông
- b) hình tam giác
- c) điểm



Bài 9.*Lan có 17 bông hoa, Lan cho Huệ một chục bông hoa, Mai lại cho Lan 12 bông hoa. Hỏi lúc này Lan có tất cả bao nhiêu bông hoa?